

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**

THANH NIÊN
 **MEDIA CORPORATION**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

*(Có sửa đổi, bổ sung và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
thông qua ngày 27/4/2012)*

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 4 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Mục lục.....	2
Chương I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	4
Điều 1: Phạm vi trách nhiệm.....	4
Điều 2: Tên Công ty.....	4
Điều 3: Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện.....	4
Điều 4: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	4
Điều 5: Thời hạn hoạt động	6
Điều 6: Người đại diện theo pháp luật.....	6
Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU	7
Điều 7: Vốn điều lệ.....	7
Điều 8: Cổ phần.....	7
Điều 9: Quyền và Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông.....	7
Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	9
Điều 11: Cổ phiếu.	9
Điều 12: Sổ đăng ký cổ đông	9
Điều 13: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 14: Phát hành trái phiếu.....	10
Điều 15: Mua cổ phần, trái phiếu.....	10
Điều 16: Các trường hợp cổ đông yêu cầu công ty mua lại cổ phần	10
Điều 17: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	11
Điều 18: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	11
Điều 19: Trả cổ tức	11
Điều 20: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	12
Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY.....	12
Điều 21: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty.....	12
Điều 22: Quyền và nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	14
Điều 23: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 24: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 26: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 27: Mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 28: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	17
Điều 29: Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	18

Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.....	18
Điều 31: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp	18
Điều 32: Ban kiểm soát.....	19
Điều 33: Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty.....	20
Điều 34: Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty.....	20
Điều 35: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	20
Chương IV: THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN ...	21
Điều 36: Năm tài chính.....	21
Điều 37: Tổng kết toán.....	21
Điều 38: Phân phối lợi nhuận và lập quỹ.....	21
Chương V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ	22
Điều 39: Chia tách công ty và hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty.....	22
Điều 40: Giải thể và thanh lý tài sản của công ty.....	23
Chương VI: THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI.....	23
Điều 41: Thành lập các tổ chức chính trị xã hội.....	23
Chương VII: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	23
Điều 42: Hiệu lực của Điều lệ.....	23
Điều 43: Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ.....	23
Điều 44: Điều khoản cuối cùng.....	23

Chương I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Phạm vi trách nhiệm

Mỗi cổ đông sáng lập và các cổ đông trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 2:

- o Tên công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN**
- o Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANHNIEN MEDIA GROUP CORPORATION
- o Tên công ty viết tắt Tiếng Anh: THANHNIEN MEDIA GROUP CORP.

Điều 3: Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện

- o Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 248, đường Cống Quỳnh, Quận 1, TP. HCM.
- o Địa chỉ Chi nhánh, Văn phòng đại diện của công ty (nếu có):
 - Văn phòng đại diện: 345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Hà Nội.
Địa chỉ: Số 11, nhà D2A, Phố Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Miền Trung
Địa chỉ: Lô C4, Thanh Lộc Đán, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Hoa Kỳ
Địa chỉ: 3565 Seven Hills Rd., Castro Valley, CA 945446, USA

Điều 4: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Quảng cáo - Chi tiết: dịch vụ quảng cáo thương mại.	7310 (chính)
2	In ấn	1811
3	Đại lý, môi giới, đấu giá - Chi tiết: Đại lý ký gởi hàng hóa.	4610
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. - Chi tiết: Kinh doanh nhà.	6810
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Môi giới bất động sản.	6820
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị phụ tùng ngành in	4669
7	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học	8560
8	Giáo dục nghề nghiệp - Chi tiết: Đào tạo nghề	8532
9	Điều hành tua du lịch	7912

	- Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế	
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở)	5610
12	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ	4931
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Vận tải hành khách đường thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa	5021
15	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Chi tiết: Kinh doanh kho bãi	5210
17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: Mua bán nông sản	4620
18	Hoạt động tư vấn quản lý - Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Đại lý vé máy bay	5229
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm - Chi tiết: mua bán thiết bị tin học	4651
21	Sản xuất nhạc cụ	3220
22	Sửa chữa thiết bị khác - Chi tiết: Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác, sửa chữa nhạc cụ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3319
23	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) - Chi tiết: Gia công hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)	1410
24	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: mua bán đồ điện, điện tử, điện gia dụng, bếp gas, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao), mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, nhạc cụ. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành)	4649
25	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu phụ tùng, hàng kim khí điện máy	4659
26	Bán buôn thực phẩm - Chi tiết: mua bán thủy sản, lương thực thực phẩm	4632
27	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: mua bán ô tô	4511
28	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: mua bán phụ tùng ô tô	4530

29	Bán mô tô, xe máy - Chi tiết: mua bán xe gắn máy	4541
30	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy - Chi tiết: mua bán phụ tùng xe gắn máy	4543
31	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc	4641
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: mua bán thiết bị xây dựng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất	4663
33	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
34	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
35	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí - Chi tiết: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	9000
36	Đại lý du lịch	7911
37	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)	0810
38	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón (không hoạt động tại trụ sở)	0891
39	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình - Chi tiết: dịch vụ sản xuất các chương trình truyền hình và chương trình quảng cáo,	5911
40	Bán buôn đồ uống	4633

- o Phạm vi hoạt động: toàn quốc

Điều 5: Thời hạn hoạt động

Thời gian hoạt động của công ty là: 100 năm kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Công ty cũng có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Người đại diện theo pháp luật

Ông : Nguyễn Công Khế

Sinh ngày : 24 tháng 02 năm 1954

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 020426606

Ngày cấp : 28/4/2005 Nơi cấp: Công An TP. HCM

Hộ khẩu thường trú: 365 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện tại: 365 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong điều lệ này.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 7: Vốn điều lệ

- Vốn của công ty được ấn định là: **103.416.300.000 đồng (một trăm lẻ ba tỷ bốn trăm mười sáu triệu ba trăm ngàn đồng)**. Trong đó
- Số vốn này được chia thành: **10.341.630 cổ phần**
Ghi bằng chữ : Mười triệu ba trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm ba mươi cổ phần
- Mỗi cổ phần có mệnh giá là : **10.000 đồng**
Ghi bằng chữ : Mười nghìn đồng

Các cổ đông sáng lập đã cùng nhau xem xét các tài sản (*nếu có góp vốn bằng tài sản*) và đã kiểm soát giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, xác nhận các tài sản này ở tình trạng sử dụng được.

Căn cứ vào các kết quả khảo sát trên thị trường, các cổ đông sáng lập đã nhất trí giá của các loại tài sản kể trên và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá của tất cả các phần vốn góp bằng tài sản trên.

Vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm do yêu cầu tình hình hoạt động của công ty và do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8: Cổ phần

8.1 Các loại cổ phần:

Vào thời điểm thông qua Điều lệ này, Công ty chỉ có cổ phần phổ thông.

8.2 Số lượng cổ phần:

- Tổng số cổ phần: **10.341.630 cổ phần**. trong đó:
 - o Cổ phần phổ thông : **10.341.630 cổ phần**
 - o Cổ phần ưu đãi : **0 cổ phần**

Điều 9: Quyền và Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông:

9.1 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Được tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và được thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
- d) Được tự do mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo qui định trong Điều lệ này và phù hợp với các qui định hiện hành của pháp luật.
- e) Được xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các thông tin không chính xác.
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với chủ nợ và cổ đông ưu đãi.

- h) Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác tham dự họp ĐHĐCĐ theo qui định của pháp luật. Người được ủy quyền tham dự không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

9.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:

- a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- d. Đề cử hoặc ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các quy định sau đây:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ trên 10% đến dưới 20% được cử 1 người, từ 20% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 50% được cử 3 người; từ 50% đến dưới 65% được cử 4 người, từ 65% trở lên được cử 5 người.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào Ban kiểm soát của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ trên 10% đến dưới 30% được cử 1 người, từ 30% đến dưới 65% được cử 2 người, từ 65% trở lên được cử 3 người.

9.3 Nghĩa vụ:

- a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- b) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- c) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

9.4 Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập:

- a) Trong 3 (ba) năm đầu, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được

quyền chào bán; cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó;

- b) Sau thời hạn 3 (ba) năm quy định nêu trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ;

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

- 10.1 Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông.

Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần sẽ được công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại

- 10.2 Quyền của cổ đông ưu đãi:

- a) Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần biểu quyết:

- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu theo quy định;
- Có các quyền khác như cổ đông phổ thông ngoại trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

- b) Quyền của cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức:

- Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- Khi công ty giải thể, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết cho chủ nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại;
- Các quyền khác như cổ đông phổ thông ngoại trừ việc biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

- c) Quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại:

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông ngoại trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 11: Cổ phiếu

Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có hai loại: cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên;

Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu như sau:

- o Tên, trụ sở Công ty
- o Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- o Số lượng cổ phần và các loại cổ phần;
- o Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- o Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
- o Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

- o Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- o Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- o Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi phải ghi rõ nội dung các quyền của cổ đông.

Điều 12: Sổ đăng ký cổ đông

- 12.1 Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
- 12.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
- a) Tên, trụ sở của Công ty;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 12.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.

Điều 13: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần:

- 13.1 Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:
- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
 - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
- 13.2 Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định tại Điều 12 Bản Điều lệ này vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty;
- 13.3 Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.
- Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều 12 Bản Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong cổ phần Công ty.
- 13.4 Công ty chào bán cổ phần theo hình thức phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức khác do Công ty quyết định và được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công ty và người mua.

Điều 14: Phát hành trái phiếu

- 14.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật;
- 14.2 Hội đồng Quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 15: Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán một lần.

Điều 16: Các trường hợp cổ đông yêu cầu công ty mua lại cổ phần

- 16.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.

- 16.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản trên với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- 17.1 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định;

- 17.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 17.3 bản điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, theo quy tắc giá mua do HĐQT quyết định có thể thấp hơn hoặc cao hơn giá thị trường.

- 17.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua.

Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 18: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 18.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 16, 17 của bản Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

- 18.2 Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 16, 17 của Bản Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

- 18.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 19: Trả cổ tức

- 19.1 Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 19.2 Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 19.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 20: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Việc thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức xảy ra trong hai trường hợp:

- 20.1 Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 18
- 20.2 Hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 19 của Bản Điều lệ này.

Các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 21: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc.

- 21.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội đồng cổ đông :

- a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- d) Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h) Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

21.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

- a) Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Quyết định chiến lược phát triển của công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định phương án đầu tư;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức Giám đốc (Tổng giám đốc), phó giám đốc và kế toán trưởng công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó ;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định
 - Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty;
 - Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm
- b) Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng cách biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác thích hợp do hoàn cảnh và vấn đề cụ thể. Mỗi thành viên của Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- c) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể như sau:
 - Hội đồng quản trị gồm không quá 11 (mười một) thành viên.
 - Nhiệm kỳ HĐQT là 5 năm.
 - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - o Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện của cổ đông tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - o Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
 - o Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

21.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty trong trường hợp không có quy định nào của pháp luật ràng buộc cá nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị đó không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- o Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- o Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- o Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
- o Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- o Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

21.4 Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 1 người trong số họ hoặc thuê 1 người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác, có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- o Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty;
- o Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- o Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- o Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- o Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
- o Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

Điều 22: Quyền và nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cán bộ quản lý khác của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- 22.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của công ty và cổ đông của công ty;
- 22.2 Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 22.3 Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì
 - o Phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả chủ nợ biết;
 - o Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý;
 - o Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại hai điểm trên;
 - o Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;
- 22.4 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác.
Người quản lý Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.
 - a) Công ty trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty được trả theo quy định sau đây:
 - Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo tháng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của Công ty.
 - Tổng giám đốc và người quản lý khác được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
 - b) Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị và tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, và báo cáo Đại Hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 23: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 23.1 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không được quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 23.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 23.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc

nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này; 60 ngày khi thành viên Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ.

23.4 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

23.5 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Điều 24: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

24.1 Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định trên thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- Trong trường hợp khác thì phải vừa có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người được ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

d. Quy định tại điểm b khoản này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

e. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

24.2 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết;

24.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ 2 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ;

- 24.4 Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lần thứ ba, thì cuộc họp đó được triệu tập trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.

Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 25.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 25.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 25.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 26.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp;
- 26.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- 26.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 26.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 27: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc;
- 27.2 Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 28: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây :

- Được số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại , giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **50%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành không được thực hiện đúng như quy định.
4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
5. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;
 - b. Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm; thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; phương án biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”;
 - c. Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về Công ty (hoặc một thời gian khác do Đại hội đồng cổ đông quy định đối với các cổ đông ở quá xa hoặc điều kiện liên lạc khó khăn).

Điều 29: Cuộc họp Hội đồng quản trị:

29.1 Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- o Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- o Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
- o Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

29.2 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp chấp thuận.

Điều 30: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Tất cả các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào Sổ biên bản và có các nội dung sau đây:

- o Thời gian và địa điểm họp;

- Họ tên thành viên tham dự;
- Chương trình họp;
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp;
- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;
- Chữ ký ghi rõ họ tên của tất cả thành viên dự họp.

Chủ tọa và thư ký phiên họp liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 31: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc HĐQT chấp thuận

31.1 Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- c) Doanh nghiệp mà các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty có tham gia cổ phần hoặc những người có liên quan của họ có tham gia cổ phần trên 35% vốn điều lệ

31.2 Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

31.3 Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

31.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu hóa và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 32: Ban Kiểm soát

32.1 Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

32.2 Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo tháng hoặc công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý khi thực hiện nhiệm vụ của Công ty.
- Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông đồng ý.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

32.3 Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát như sau:

1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất một quý một lần. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi Hội đồng quản trị và là tài liệu lưu giữ của Công ty.
3. Mỗi thành viên Ban kiểm soát dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này;
 - e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát theo quy định này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33: Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty

Công ty gửi các báo cáo liên quan theo qui định đến các cơ quan chức năng và công bố thông tin theo qui định

Điều 34: Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

34.1 Công ty lưu trữ các loại tài liệu sau đây:

- o Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
 - Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
- 34.2 Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc một nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 35: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- 35.1 Tranh chấp nội bộ giữa các cổ đông và giữa cổ đông với bộ máy điều hành công ty hoặc Hội đồng quản trị trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải;
- 35.2 Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tổ chức trọng tài hoặc Tòa án giải quyết.

Chương IV

THÔNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 36: Năm tài chính

- 36.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 tròn hàng năm.
- 36.2 Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 37: Tổng kết toán

- 37.1 Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
- Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
 - Báo cáo tài chính;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
- 37.2 Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.
- 37.3 Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty gửi Báo cáo tài chính hàng năm đến các cơ quan sau:
- ☒ Cục Thuế địa phương
 - ☒ Sở Kế Hoạch và Đầu Tư (cơ quan đăng ký kinh doanh)
 - ☒ Báo Thanh Niên
 - ☒ Cơ quan Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Điều 38: Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả công ty lập các loại quỹ sau:

- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc
- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ khen thưởng phúc lợi

Lợi nhuận còn lại sẽ phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần (trừ loại cổ phần ưu đãi cổ tức được chia theo mức cổ tức cố định).

Nguyên tắc chịu lỗ: tùy theo sự thỏa thuận của các cổ đông công ty miễn không trái Luật Doanh nghiệp. Nếu không có bất kỳ sự thỏa thuận nào khác, nguyên tắc chịu lỗ dựa trên tỷ lệ cổ phần của các cổ đông.

Chương V

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 39: Chia tách công ty và hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty

Công ty thực hiện việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 150, 151, 152, 153, 154, 155 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 40: Giải thể và thanh lý tài sản của công ty

40.1 Công ty giải thể trong các trường hợp sau :

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
- Theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông;
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

40.2 Công ty thực hiện việc giải thể như sau:

- Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan ĐKKD, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp, quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày TW trong 3 số liên tiếp;
- Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;
- Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty;
- Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan ĐKKD ;
- Trường hợp công ty bị thu hồi GCNĐKKD, công ty phải giải thể trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi GCNĐKKD. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều này.

Chương VI

THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Điều 41 : Thành lập các tổ chức chính trị xã hội

Công ty được thành lập các tổ chức Đảng, Đoàn thể (khi có đủ điều kiện thành lập) và tổ chức Công Đoàn hoạt động theo luật định và theo điều lệ của các tổ chức đó.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 42 : Hiệu lực của Điều lệ

Bản Điều lệ này gồm 7 chương có 44 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận toàn bộ ngày 27 tháng 4 năm 2012.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 43: Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

43.1 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

43.2 Việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Điều 44: Điều khoản cuối cùng

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Điều lệ này được lập thành mười (10) bản; được đăng ký, nộp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của ít nhất là hai thành viên trong Hội đồng quản trị, hoặc của Chủ tịch HĐQT, hoặc của Giám Đốc (Tổng Giám Đốc) Công ty.

Tp.HCM, ngày 27 tháng 4 năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN



NGUYỄN CÔNG KHẾ